

## Dân tộc học



## NƯỚC NGOÀI

# VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN TRONG QUAN HỆ TỘC NGƯỜI Ở LIÊN BANG MALAYSIA

PHAN THỊ HỒNG XUÂN

Nhân loại ngày càng phát triển, văn minh, nhân bản hơn (xét trên những khía cạnh nhất định), nhưng mối quan hệ giữa con người với con người thì càng trở nên phức tạp. Bất cứ mỗi dân tộc, mỗi cá nhân đều chịu sự tác động qua lại trong mối quan hệ với nhiều cộng đồng khác nhau (cộng đồng dân tộc, cộng đồng chính trị - xã hội, cộng đồng tôn giáo, giai cấp, đẳng cấp, nghề nghiệp, huyết thống...). Các mối quan hệ đó đan xen nhau, chồng chéo lên nhau và tác động lẫn nhau cả tiêu cực lẫn tích cực. Nhưng trong đó, có một ý tưởng luôn thường trực, là họ thuộc về dân tộc nào, cộng đồng chính trị - xã hội nào - vì đó là quê hương, là cội nguồn, là ý nghĩa cuộc sống của họ. Do vậy vấn đề dân tộc, tộc người trong một quốc gia luôn là vấn đề lâu dài nhưng lại mang tính thời sự nóng bỏng. Vấn đề dân tộc, tôn giáo trong một số trường hợp còn là nguyên nhân chính chia rẽ các dân tộc, nhất là đối với các cộng đồng sống tách biệt. Điều này có thể thấy qua ví dụ ở Myanmar, Indonesia, Philippines và Thailand trong mấy chục năm qua. Làm thế nào để xây dựng được sự hoà hợp dân tộc bền vững là một thách thức lớn của các quốc gia này.

Malaysia là một quốc gia liên bang thống nhất, đa dân tộc, trong đó người Malay và các dân tộc bản địa khác (nhóm Bumiputera) giữ vai trò chủ thể của đất nước. Hai nhóm tộc người khác có nguồn gốc là cư dân nhập cư, đó là người Hoa và người Ấn, giữ vị trí tương đối quan trọng trong mọi bình diện về kinh tế - văn hóa - xã hội của liên bang, được xếp vào nhóm Non - Bumiputera<sup>(1)</sup>. Nhìn chung, các tộc người ở Malaysia có được sự "thống nhất trong đa dạng". Có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng không tránh khỏi những dị biệt. Điểm tương đồng thì dễ nhận thấy: dù có nguồn gốc khác nhau, quá trình tộc người không giống nhau, đặc điểm văn hóa và tâm lý dân tộc không như nhau..., nhưng tất cả các cộng đồng người ở đất nước này đã là công dân Malaysia, đều phải tuân theo Hiến pháp và nói ngôn ngữ chung thống nhất là tiếng Melayu. Ngoài ra điểm tương đồng còn thể hiện ở chỗ dù là cư dân Nam Á, Nam Đảo hay Hán - Tạng, các tộc người đang sinh sống ở đất nước này đều là cư dân của nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Với những chính sách thích hợp, chính phủ Malaysia đã dần thu hẹp được những khác biệt khó tránh khỏi

<sup>(1)</sup> Các tộc người không phải là người Malay.

giữa các tộc người trong một quốc gia đa dân tộc với rất nhiều nền văn hóa đan xen, nhiều ngôn ngữ sử dụng trong cùng một quốc gia.

Người Malay - đại diện cho nền văn minh Hồi giáo Ả Rập; người Hoa di cư mang theo nền văn minh với sức mạnh của trung ương tập quyền kiểu Hán và triết lý Nho giáo làm kim chỉ nam cho mỗi ứng xử; người Ấn thuộc nền văn minh Lương Hà đã vào Malaysia và có mối quan hệ cộng sinh với cư dân và nền văn hóa bản địa, để lại nhiều dấu ấn sâu đậm cho nền văn hóa đa dạng của Liên bang Malaysia.

Hiện tại Chính phủ đất nước này đang đề cao giá trị truyền thống phương Đông, đang tìm về những cội nguồn có giá trị nhân bản, đạo đức của các tôn giáo truyền thống như *hỷ xả, từ bi, bác ái* của Phật giáo, *bình đẳng, công bằng* của Thiên Chúa giáo và tính *hài hòa trong đa dạng* của triết lý Hồi giáo. Hơn thế, Malaysia còn tìm ra được chiều sâu liên kết khu vực trong truyền thống văn hóa của mình là sự hỗn dung tôn giáo, hòa hợp dân tộc.

Với giới hạn của một bài báo, tôi sẽ không trình bày sâu cũng như không phân tích các mối quan hệ tộc người cùng các chính sách dân tộc của chính phủ Malaysia mà chỉ giới thiệu một vài nét đặc trưng trong quan hệ tộc người của đất nước này.

Ở một quốc gia đa tộc với hơn 100 tộc người như Malaysia, trong đó chiếm đa số là người Malay, người Hoa và người Ấn, quan hệ tộc người dĩ nhiên diễn ra rất phức tạp và tế nhị, gắn liền với bản sắc văn hóa của từng cộng đồng dân tộc. Ở đây xin được

chọn bang Malacca trong 13 bang của Malaysia để xét đến những đặc trưng của quan hệ tộc người tại đất nước này, vì Malacca được coi là nơi tập trung đầy đủ các tộc người chính (Malay, Hoa, Ấn) và là nơi quan hệ tộc người diễn ra khá rõ ràng và đa dạng.

Điểm nổi bật nhất trong quan hệ tộc người ở Malacca nói riêng và Malaysia nói chung là vấn đề giao thoa văn hóa giữa người Hoa và người Malay, mà kết quả là một cộng đồng người mới ra đời, cộng đồng những người Hoa sinh ra tại địa phương: người *Baba* hay *Cina Peranakan*. Về thuật ngữ *Baba*, người Hoa Quảng Đông và Phúc Kiến có câu thành ngữ *Tam đại thành ba* để chỉ người Hoa từ đời thứ ba ở Malaysia bị đồng hóa. Theo nhà nghiên cứu về địa danh học và từ vựng Hoàng Anh,<sup>(2)</sup> *Baba* ở đây là tên đất, không phải tên người. Hoàng Anh đã trích dẫn lại trong *Từ vựng Việt miền Nam*, 1993, trang 4 của Vương Hồng Sển giải thích về từ *Baba* (hay Bà Ba) như sau: *Baba* là tiếng "Nam Kỳ" do địa danh "Java nói trại". Một nhà nghiên cứu khác là ông Sơn Nam trong *Đất Gia Định xưa*, 1984, trang 44, để giải thích cho áo *bà ba*, ông viết: áo *bà ba* là kiểu áo du nhập từ đảo Pinang" (thuộc Malaysia), chứ không phải từ đảo Java (thuộc Indonesia). Cũng theo Sơn Nam, người *Baba* là người Hoa lai Malaysia hoặc người Hoa lai Indonesia". Sự giải thích trên đây của các nhà nghiên cứu địa danh Việt Nam có những điểm tương đồng với nguồn gốc người *Baba* Malaysia mà chúng ta đang đề cập. Người *Baba* Malaysia

<sup>(2)</sup> Trong mục *Bạn đọc đặt câu hỏi*, báo Sài Gòn giải phóng Thứ Bảy, 9/3/2002.

sống tập trung tại các vùng định cư eo biển Malacca, Penang, Kelantan và Terengganu; người Baba định cư ở Malacca được coi là chịu ảnh hưởng văn hóa Malay sâu sắc nhất: nói tiếng Melayu; phụ nữ được gọi là *Nyonja*, mặc *trong* là áo *bebaya*; nấu ăn theo kiểu tổng hợp Trung Hoa và bản địa<sup>(3)</sup>. Thời điểm người Hoa bắt đầu sinh sống ở Malacca khi nào vẫn chưa được biết chính xác, chỉ biết rằng vào thế kỷ XVI, đã có một nhóm nhỏ người Hoa an cư lập nghiệp ở đây. Hôn nhân khác chủng tộc giữa những người Hoa này và phụ nữ địa phương đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển của cộng đồng người Hoa ở vùng này. Đó cũng là nhân tố quan trọng trong giao lưu văn hóa, cho ra đời một cộng đồng mới - người Baba - mang nhiều đặc điểm của văn hóa địa phương. Theo số liệu thống kê của chương trình Joshua Project 2000, người Baba ở Malaysia có số lượng 381.000 người.

Như đã nêu trên, đại đa số người dân thành phố Malacca là người Hoa (cả người Baba và Tân khách<sup>(4)</sup>), mặc dù ở vùng xa thành phố người Malay chiếm số đông. Nhìn chung quan hệ tộc người ở Malacca có vẻ yên ổn - người dân có thể quan hệ với nhau khá thuận lợi, dễ dàng khi cần (như ở các cơ quan chính quyền hoặc ở những nơi công cộng) vì mọi người có thể sử dụng

tiếng Melayu khá tốt. Tiếng Melayu là phương tiện giao tiếp giữa các tộc người với nhau (tiếng Anh cũng có thể sử dụng nếu biết).

Quan hệ Malay - Hoa ở thành phố thường là quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa. Các cửa tiệm của người Hoa trong thành phố thực tế thường được người Malay và người Ấn ủng hộ, có lẽ vì họ biết rằng người Hoa sẽ trao đổi mua bán thực tình với họ. Ở các cơ quan chính quyền, mối quan hệ giữa người Malay và người Hoa thường không đi quá phạm vi làm việc. Mặc dù vậy, vào những dịp lễ, chẳng hạn như lễ *Hai Ray Puasa* (lễ kết thúc tháng ăn chay), người Hoa thường ghé thăm người Malay, và ngược lại, dịp Tết Nguyên Đán, người Malay cũng đến thăm người Hoa.

Tuy nhiên, những hoạt động trên thường thấy phổ biến hơn ở những người sống gần gũi nhau trong các *kampung* (làng), hoặc các vùng ven thành phố. Nhiều người Baba sống ở những vùng này có quan hệ gần gũi với những người láng giềng Malay của mình, do tác động qua lại thường xuyên giữa thành thị và nông thôn, do lịch sử lâu đời trong quan hệ tộc người... Mặc dù vậy, có thể đây chỉ là mối quan hệ nhất thời hay tạm thời vì người dân ở Malacca cũng như tất cả các trung tâm đô thị khác ở Malaysia rất nhạy cảm với tình hình chính trị quốc gia. Những mối quan hệ giữa các tộc người ở Malaysia luôn tùy thuộc vào các sự kiện trên chính trường quốc gia.

Trong tất cả các mối quan hệ tộc người ở Malacca, có lẽ mối quan hệ ít

<sup>(3)</sup> Trong khi đó người Baba ở Penang, ngoài những nét đặc trưng văn hóa Baba (như y phục, thức ăn) lại không nói tiếng Melayu, mà nói tiếng Phúc Kiến đã được địa phương hóa với nhiều từ vay mượn của Malay. Còn người Baba ở Kelantan và Terengganu thì chịu ảnh hưởng văn hóa Thái nhiều hơn văn hóa Malay, và nhiều người có thể nói được cả tiếng Thái.

<sup>(4)</sup> Người Hoa mới đến Malaysia sau này, không có sự pha trộn dòng máu với người bản địa.

căng thẳng nhất, xét trên mọi bình diện, là mối quan hệ giữa người Ấn với các tộc người khác. Người Hoa cũng như người Malay đều không coi cộng đồng người Ấn là một mối đe dọa về kinh tế, chính trị hay tôn giáo. Người Ấn thường làm một số nghề nhất định như bán báo, bảo vệ ngân hàng, sửa chữa đường xá, bán thức ăn Ấn, coi tiệm bánh,... Đó là những nghề cần thiết nhưng các cộng đồng khác không ai muốn làm. Về phương diện chính trị, người Ấn là một cộng đồng thiểu số không có cương lĩnh riêng rõ ràng (tổ chức chính trị cấp quốc gia của người Ấn là Đại hội người Ấn Malaysia). Về tôn giáo, người Ấn thường theo đạo Hindu, đạo Hồi (trường hợp sau rất được người Malay ủng hộ) hoặc Công giáo, với tín đồ thuộc nhiều tộc người khác nhau, đặc biệt là người Hoa và người lai châu Âu. Người Ấn ở Malacca thường nói tiếng Melayu, có quan hệ tốt, thân tình với tất cả các đảng phái khác.

Người Bồ Đào Nha đặt chân đến Malacca từ năm 1511. Có thể nói đây là một trong những cộng đồng người lâu đời nhất sinh sống ở đất nước này. Đã thành quy luật: khi số người trong một lãnh thổ tăng lên do có người từ nơi khác di cư tới, thì xảy ra sự tiếp xúc giữa nhóm người này với nhóm người khác. Bằng cách này đã dẫn đến sự pha trộn của các chủng tộc và làm giảm bớt sự phân hóa ban đầu. Quá trình này xảy ra lâu dài, liên tục. Khi người Hoa đặt chân đến Malacca, có sự tiếp xúc, giao thoa văn hóa giữa người mới đến và cư dân bản địa, và kết quả là cộng đồng người Baba ra đời. Tương

tự như vậy, người Bồ Đào Nha đã có sự pha trộn dòng máu với dân địa phương Malacca, hình thành nên cộng đồng người lai *Portuguese Eurasians* sống cộng cư với cư dân bản địa mang nhiều đặc điểm của văn hóa Malay hòa cùng những di sản văn hóa Bồ Đào Nha (nghệ thuật, ngôn ngữ và tôn giáo). Có nhiều tên gọi khác nhau để đặc tả cộng đồng này. Khi người Bồ Đào Nha bắt đầu đặt chân đến đất nước này, dân địa phương gọi họ là *Benggali Puteh* hoặc *White Bengalis* (Bengal là địa danh một vùng ở Ấn Độ; white là tính từ tiếng Anh ngụ ý chỉ màu da trắng). Danh xưng này dĩ nhiên không chính xác. Sau đó những người lai Âu - Á này được gọi là *Nasram (Serani)* hoặc *Nazarens* (bắt nguồn từ chữ Nazareth). Cách gọi này là cách gọi theo Thiên Chúa giáo. Sau này, chính phủ Malaysia đề nghị gọi họ là *Portuguese* (Bồ Đào Nha) để chỉ nguồn gốc di dân của họ. Tên gọi thân mật chỉ những người làm nghề đánh cá Bồ Đào Nha ở Malaysia là *Grago*. Đối với họ, họ tự gọi mình là *Gente Hristang*, nói ngôn ngữ *Papia Kristang*. *Hristang* là cách phiên âm từ chữ "Christan" - Thiên Chúa Giáo. Các nhà khoa học thì gọi họ là *Luso - Malay*, cách gọi này thể hiện sự hội nhập và pha trộn dòng máu Bồ Đào Nha - Malay. Hiện nay thuật ngữ chính thức để chỉ cộng đồng người này là *Portuguse - Eurasians* (người lai Âu Á - Bồ Đào Nha), tuy nhiên cũng có một số người đề nghị nên gọi họ là *Ferrengi* hay *Franks*. Ở Penang, dân địa phương gọi cộng đồng này là *Ba tu - Ferrengi*, liên quan đến nơi dừng chân của những đoàn tàu nước ngoài trong thế kỷ 16. Thuật ngữ

*Mesticos* và *Black Christians* được sử dụng để chỉ những người Hà Lan, bao hàm cả hậu duệ của người Bồ Đào Nha. Theo số liệu thống kê năm 1991 dân số của cộng đồng này vào khoảng 12.000 người (0,009%) trên tổng số 22 triệu dân toàn liên bang.

Tộc người lai Âu - Á ở Malacca vừa trình bày có lẽ vì thế rất giống người Ấn. Là một cộng đồng thiểu số không có quyền lực riêng về kinh tế hay chính trị, họ cũng không bị coi là mối đe dọa đối với tương lai của người Malay. Hơn nữa, họ cũng không quan tâm lắm đến việc mở rộng cộng đồng của mình; chủ yếu họ chỉ giao tiếp trong nội bộ với nhau theo luật của Giáo hội Công giáo. Việc lập gia đình với những người trong cộng đồng được hoan nghênh nếu như cả hai đều theo đạo Công giáo. Những người truyền giáo Bồ Đào Nha vẫn được phái sang Malacca làm mục sư trong cộng đồng người lai châu Âu để củng cố địa vị tôn giáo. Tuy nhiên người lai châu Âu ở Malacca không được người Malay, người Hoa cũng như người Ấn ở thành thị coi trọng vì họ là một cộng đồng có nền kinh tế rất trì trệ, suy yếu. Dù vậy hay nhờ vậy, quan hệ tộc người giữa họ với các cộng đồng khác diễn ra tốt đẹp, đặc biệt là với cộng đồng người Ấn, vì người Ấn cũng ở địa vị dân tộc ít người và thường sử dụng tiếng Anh như người lai châu Âu. Người lai châu Âu cũng có quan hệ tốt với người Hoa vì họ sống giữa cộng đồng người Hoa.

Một điểm nữa cũng rất đáng chú ý trong quan hệ tộc người ở Malacca là quan hệ giữa người Hoa với nhau. Nếu như nhiều người Baba công nhận rằng họ đánh giá người Malay là "mềm

đẻo", đặc biệt là về khía cạnh kinh tế, nghĩa là không cạnh tranh mà quan tâm nhiều đến vấn đề văn hóa, y phục và các hoạt động vui chơi giải trí hơn là tham gia vào quá trình kiếm tiền ráo riết, thì người Hoa "tân khách" cũng có cùng ý kiến như vậy về người Baba. Sở dĩ họ có ý kiến đó là vì người Baba có xu hướng không thích làm các nghề thương mại, kinh doanh và họ cũng không thích làm việc theo giờ như những người Hoa khác. Trong quan hệ với người Baba, người Hoa xem họ như một tộc người xa lạ vì những điểm khác biệt tế nhị về tiếng nói hoặc nơi chôn nhau cắt rốn của tổ tiên họ ở miền Nam Trung Quốc. Song đối với người Malay, họ cảm thấy rất gần gũi với người Baba do có nhiều điểm giống nhau về ngôn ngữ, sự gần gũi về khu vực cư trú, sự tương đồng trong các hoạt động kinh tế và sự cảm nhận của người Malay về ảnh hưởng văn hoá sâu sắc của họ từ người Baba. Một lý do nữa làm cho người Malay cảm thấy gần gũi với người Baba, đó là hầu như không có sự rắc rối nào trong quan hệ giữa người Baba với người Malay cũng như trong việc kết hôn giữa hai tộc người, ngoại trừ nếu kết hôn với người Malay thì người Baba phải bỏ tôn giáo cũ của mình theo đạo Hồi, hoàn toàn sinh hoạt như người Malay, và phải từ bỏ rất nhiều đặc điểm văn hóa Trung Hoa mà người Baba vẫn còn cố duy trì. Người Baba ý thức rất rõ về tình hình trên và thực sự tìm cách khuyếch trương bản sắc văn hóa truyền thống của mình bằng nhiều cách khác nhau như học tiếng Quan Thoại, thông qua tôn giáo học các lễ thức tập quán. Thậm chí, để khỏi bỏ đạo của mình, một số người

Baba đã lập gia đình với người Ấn hoặc người lai châu Âu.

Quan hệ trong nội bộ cộng đồng của một tộc người cũng là đối tượng nghiên cứu mà bài báo này muốn hướng tới. Hiện nay, xã hội Malaysia vẫn còn phân tầng phân cấp. Sự phân chia giai cấp ấy không riêng gì giữa các cộng đồng mà còn tồn tại bên trong nội bộ mỗi tộc người. Chẳng hạn, xã hội người Malay có giai cấp thượng lưu, trung lưu và hạ lưu thì xã hội người Hoa và người Ấn cũng hình thành những giai cấp tương tự. Chỉ có điều khác biệt là vai trò giai cấp của ba cộng đồng trên không như nhau. Chính sách tôn trọng tối đa nền tảng cơ bản về chính trị, văn hóa và giáo dục của mỗi dân tộc là yếu tố tích cực trong chính sách hòa hợp dân tộc, đưa các dân tộc này cùng chung sống trong hòa bình, cùng chung vai sát cánh phấn đấu cho sự phồn vinh của đất nước. Trong hệ thống phân tầng của xã hội Malaysia, giai cấp thượng lưu người Malay nắm quyền cai trị, người Hoa thì tập trung vào các hoạt động kinh tế như làm chủ các hầm mỏ hoặc giám đốc các công ty, xí nghiệp. Giữa các thành viên trong giai cấp thượng lưu có sự gắn kết chặt chẽ. Mỗi nhóm tộc người đều cố gắng tạo sự bình đẳng với các thành viên của tộc người khác. Đối với giai cấp trung lưu thì người Malay nắm vai trò chủ đạo trong các cơ quan hành chính, hoặc hoạt động trong lĩnh vực quân đội, giảng dạy. Người Hoa chủ yếu tập trung vào các ngành nghề như: kỹ sư, kiến trúc sư, bác sĩ, nha sĩ và quản trị kinh doanh. Người Ấn thuộc tầng lớp trung lưu cũng tham gia vào các ngành nghề như

người Hoa ở tầng lớp này. Ngành nghề chủ yếu của giai cấp hạ lưu người Malay là làm nông nghiệp, sống chủ yếu ở vùng nông thôn hoặc làm nhân viên văn phòng ở các thị trấn; một số người làm vườn, làm phu cho các đồn điền hoặc các hầm mỏ. Giai cấp hạ lưu người Hoa so với người Malay và người Ấn chiếm tỷ lệ khá cao: họ là những người làm việc tại các hầm mỏ, các công xưởng. Trong hệ thống đẳng cấp của người Ấn tại Malaysia, đẳng cấp thấp nhất chủ yếu làm các công việc tạp dịch như chuyển báo, bán hàng rong, làm nhân viên trong các văn phòng nhà nước. Quá trình bình đẳng giữa các tộc người diễn ra chậm trong giai cấp tạm gọi là hạ lưu này, mặc dù giai cấp này bảo lưu các giá trị văn hóa và tôn giáo của mình một cách bảo thủ hơn các giai cấp khác. Ví dụ: giữa nông dân người Malay với nông dân người Hoa có một khoảng cách xã hội khá lớn, cùng với nó là sự khác biệt về cố kết tộc người. Nhưng trong một số bang, chẳng hạn như người Baba ở Malacca, thì hầu hết giai cấp thấp trong xã hội đã thích nghi tự nguyện với lối sống của người Malay, họ cảm thấy rất gần gũi với người Malay do có sự tương đồng về ngôn ngữ, hoạt động kinh tế, sự gần gũi về khu vực lưu trú, và trên hết là sự cảm nhận của người Baba về những ảnh hưởng sâu sắc nền văn hóa của mình đối với người Malay. Người Baba luôn cảm thấy gần gũi với người Malay và hầu như không có sự rắc rối nào trong quan hệ giữa họ với người Malay, ngoại trừ nếu kết hôn với người Malay họ phải từ bỏ tôn giáo của mình là đạo Hồi.

Tóm lại, mỗi tộc người ở Malaysia đều có sự phân chia giai cấp rõ rệt, nhưng điều này không phải là sự phân chia duy nhất tồn tại trong xã hội; có nghĩa là không phải nhóm tộc người này vượt trội hơn nhóm tộc người khác và không phải tất cả người Malay đều thuộc về giai cấp thượng lưu, còn mọi người Hoa và người Ấn đều thuộc giai cấp thấp và ngược lại. Quan điểm đã từng được xem là “bất di bất dịch”, là “luật bất thành văn” trong cơ cấu phân chia địa vị tộc người ở Malaysia hiện nay xem ra đã thay đổi theo chiều hướng dân chủ, nhân bản hơn. Công thức: “Người Malay - nắm quyền lực chính trị; người Hoa - làm kinh tế; người Ấn làm đồn điền” đã không còn đúng với thực tế và sự phát triển của đất nước này. Hiện nay nhiều người Hoa đã nắm giữ những địa vị và quyền lực chính trị quan trọng và người Hoa không còn là cộng đồng độc quyền giữ vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế đất nước; số lượng doanh nhân người Malay làm kinh tế đóng góp vào ngân sách quốc gia cũng đang tăng lên đáng kể.

### Tài liệu tham khảo

1. GS.TS Phan Hữu Dật (Chủ biên). *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*. Sách tham khảo, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. Grant Evans (Chủ biên). *Bức khảm văn hóa Châu Á - tiếp cận nhân học*. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001.
3. Phạm Đức Hạnh. *Malaysia trên đường phát triển*. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1993.
4. Nguyễn Duy Thiệu (Chủ biên). *Các dân tộc ở Đông Nam Á*. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1998.
5. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. *Liên bang Malaysia - Lịch sử - Văn hóa và những vấn đề hiện đại*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998.
6. Phan Thị Hồng Xuân. *Ý thức hệ dân tộc Rukunegara Malaysia - Đôi điều ghi nhận về một chuyến đi*. Đông Nam Á ngày nay, số 3, Viện Đào tạo Mở rộng Tp. Hồ Chí Minh, 1995.
7. Phan Thị Hồng Xuân. *Quan hệ tộc người ở Liên bang Malaysia từ quá khứ đến đương đại*. Đề tài khoa học, Trường ĐH KHXH và NV Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
8. Phan Thị Hồng Xuân. *Các tộc người ở Liên bang Malaysia*. Đề tài khoa học, Đại học Mở - Bán công Tp. Hồ Chí Minh, 2001.
9. D.R. Hughes. *The people of Malaysia*. Eastern University Press. LTD, Singapore, 1965.
10. James V. Jeruadason. *Ethnicity and the Economy. The State, Chinese Business, and Multinational in Malaysia*. Oxford: Oxford University Press, 1990.
11. Jennifer Rodrigo. *Malaysia - the beautiful*. New Holland Ltd, London, Cape Town, Sydney, Singapore, 1996.
12. I.J. Badahdur Singh. *Indian in Southeast Asia*. Sterling Publishers Private LTD, New Dalhi, Jullundur, 1982.
13. Ooi Jilt - Bee. *Land, People and Economy in Malaysia*, London: Longman, 1963.
14. Raymond Lee (editor). *Ethnicity and Ethnic relations in Malaysia*. (Occasional Paper), 1986.